

Phụ lục 1: Chỉ tiêu sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2026

Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 04 năm 2026 của UBND xã Hưng Nguyên

TT	Đơn vị	Trồng trọt							Chăn nuôi							DT Thủy sản chuyên canh (ha)
		Lúa Thuần			Cánh đồng lớn			Rau các loại (ha)	Đàn Trâu (Con)	Đàn bò (con)	Đàn lợn (Con)	Tổng đàn gà	Tổng đàn Vịt	Ngan, ngỗng	Đàn dê cừu (Con)	
		Tổng DT lúa thuần (ha)	Lúa thuần chất lượng cao (ha)	Lúa thuần khác (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Giống lúa									
1	Xóm Mỹ Giang	77,20	58,00	19,20	1	30,00	TBR 97	4,5	5	3	120	9.000	1.500	500		5,2
2	Xóm Mỹ Thanh	60,00	45,00	15,00				2,0	2	4	15	12.000	3.000	200		6,6
3	Xóm Mỹ Thịnh	30,00	22,00	8,00				5,0				5.000	2.000	600		5,0
4	Xóm Mỹ Thượng	51,00	38,00	13,00	1	30,00	Bắc Thịnh	1,3	5	11	200	3.500	1.500	500		3,5
5	Xóm Tân Thành	8,50		8,50								4.000	500	200		4,0
6	Xóm Tân Tiến	7,50	5,00	2,50				5,0		2	120	7.500	5.000	500		8,5
7	Xóm Đồng Phú	38,00	28,00	10,00				6,0			60	3.500	2.000	500		1,5
8	Xóm Trung Thịnh	25,00	18,00	7,00				1,8		3	20	5.000	1.000	200		3,0
9	Xóm Xuân Am	8,70	6,50	2,20				0,7			20					3,0
10	Xóm Xuân Tân	21,00	15,00	6,00				1,5	3	7		2.000	500	200		0,8
11	Xóm Hưng Đạo 1	75,50	56,00	19,50				5,0	1	10	200	2.500	2.000	500		14,8
12	Xóm Hưng Đạo 2	100,00	75,00	25,00				3,5		3	200	7.000	12.000	100		47,0
13	Xóm Hưng Đạo 3	49,00	49,00		1	30,00	HT1	3,0	2	4	80	2.000	150	120		0,4
14	Xóm Hưng Đạo 4	37,00	28,00	9,00				2,0		12	30	9.500	4.000	3.000		2,9
15	Xóm Hưng Đạo 5	40,00	30,00	10,00				3,0	12	8	50	2.500	1.000	300		12,0
16	Xóm Hưng Đạo 6	24,00	24,00					1,5	1	2	60	4.500	2.000	500		2,7
17	Xóm Hưng Đạo 7	40,00	28,00	12,00				3,3				3.000	1.500	500		6,0

18	Xóm Hưng Đạo 8	0,00						1,5				2.500	500	200		2,0
19	Xóm Ngọc Điền	94,00	70,00	24,00				5,0	2	3	150	12.000	1.000	500		19,7
20	Xóm Thái Linh	10,00	8,00	2,00				1,4		1		6.000	2.000	500		4,0
21	Xóm Chi Nê	5,40	5,40					0,5				1.500	400	150		1,5
22	Xóm Đồng Trưa	1,00	1,00					2,0	2	2		3.000	500	100		0,4
23	Xóm Kỳ Đoài	0,00						0,5		5		1.000	200	100		
24	Xóm Vạc	0,00						0,5				1.000	100	50		
25	Xóm Tân Hưng	0,00						3,5	2	1	50	2.000	1.000	500		0,5
26	Xóm Đông Tiến	15,00	12,00	3,00				5,0	2	1	10	2.500	500	200		3,5
27	Xóm Tân Hợp	0,00						0,5				1.500	100	50		
28	Xóm Đồng Ang	0,00						0,5				2.500	300	200		
29	Xóm Thượng Khê	60,70	45,70	15,00	1	30,00	ĐH 15	1,0		1	400	10.000	5.000	50		5,0
30	Xóm Phúc Điền	61,50	46,00	15,50				7,0	2	6	150	4.500	1.500	500		5,0
31	Xóm Đại Huệ	55,00	41,00	14,00				8,0	15	10	3	14.500	4.000	500	15	4,5
32	Xóm Hạ Khê	63,00	49,00	14,00	1	30,00	Bắc Thịnh	4,5		20	190	3.500	1.400	600		4,1
33	Xóm Khoa Đà	6,00	4,00	2,00				1,5			45	2.500	200	250		0,5
34	Xóm Phúc Hòa	0,00						1,5				3.000	150	450		0,5
35	Xóm Phúc Long	0,00						1,5				3.500	100	350		1,0
36	Xóm Nam Kê Gai	65,90	49,90	16,00				3,0				3.500	500	200		1,0
37	Xóm Bắc Kê Gai	72,00	50,00	22,00				12,0	5	6	25	3.500	2.000	20	10	4,0
38	Xóm Hưng Thịnh	80,00	60,00	20,00				10,0	5	10	20	10.000	3.500	3.500	30	2,0
Tổng		1.281,90	967,50	314,40	5	150,00		120,0	66	135	2.218	176.500	64.600	17.390	55	186,0

Phụ lục 1: Chỉ tiêu sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 04 năm 2026 của UBND xã Hưng Nguyên)

		Lúa Thuần			Cánh đồng lớn			Rau các loại (ha)
		Tổng DT lúa thuần (ha)	Lúa thuần chất lượng cao (ha)	Lúa thuần khác (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Giống lúa	
1	Xóm Mỹ Giang	77,2	58,0	19,2	1,0	30,0	TBR 97	4,5
2	Xóm Mỹ Thanh	60,0	45,0	15,0				2,0
3	Xóm Mỹ Thịnh	30,0	22,0	8,0				5,0
4	Xóm Mỹ Thượng	51,0	38,0	13,0	1,0	30,0	Bắc Thịnh	1,3
5	Xóm Tân Thành	8,5		8,5				
6	Xóm Tân Tiến	7,5	5,0	2,5				5,0
7	Xóm Đồng Phú	38,0	28,0	10,0				6,0
8	Xóm Trung Thịnh	25,0	18,0	7,0				1,8
9	Xóm Xuân Am	8,7	6,5	2,2				0,7
10	Xóm Xuân Tân	21,0	15,0	6,0				1,5
11	Xóm Hưng Đạo 1	75,5	56,0	19,5				5,0
12	Xóm Hưng Đạo 2	100,0	75,0	25,0				3,5
13	Xóm Hưng Đạo 3	49,0	49,0		1,0	30,0	HT1	3,0
14	Xóm Hưng Đạo 4	37,0	28,0	9,0				2,0
15	Xóm Hưng Đạo 5	40,0	30,0	10,0				3,0
16	Xóm Hưng Đạo 6	24,0	24,0					1,5
17	Xóm Hưng Đạo 7	40,0	28,0	12,0				3,3
18	Xóm Hưng Đạo 8	0,0						1,5
19	Xóm Ngọc Điền	94,0	70,0	24,0				5,0
20	Xóm Thái Linh	10,0	8,0	2,0				1,4
21	Xóm Chi Nê	5,4	5,4					0,5
22	Xóm Đồng Trưa	1,0	1,0					2,0
23	Xóm Kỳ Đoài	0,0						0,5
24	Xóm Vạc	0,0						0,5
25	Xóm Tân Hưng	0,0						3,5
26	Xóm Đông Tiến	15,0	12,0	3,0				5,0
27	Xóm Tân Hợp	0,0						0,5
28	Xóm Đồng Ang	0,0						0,5
29	Xóm Thượng Khê	60,7	45,7	15,0	1,0	30,0	ĐH 15	1,0
30	Xóm Phúc Điền	61,5	46,0	15,5				7,0
31	Xóm Đại Huệ	55,0	41,0	14,0				8,0
32	Xóm Hạ Khê	63,0	49,0	14,0	1,0	30,0	Bắc Thịnh	4,5
33	Xóm Khoa Đà	6,0	4,0	2,0				1,5
34	Xóm Phúc Hòa	0,0						1,5
35	Xóm Phúc Long	0,0						1,5
36	Xóm Nam Kê Gai	65,9	49,9	16,0				3,0
37	Xóm Bắc Kê Gai	72,0	50,0	22,0				12,0
38	Xóm Hưng Thịnh	80,0	60,0	20,0				10,0
Tổng		1281,9	967,5	314,4	5,0	150,0		120,0

		Xung	Tre (cây)	Rơm (tấn)	Cát (m3)	Cuốc xẻng (cái)	Xe rùa (xe)	Bao tải (cái)
	Tổng số	760	700	13	510	1.085	550	38.200
1	Xóm Mỹ Giang	20	30	1	50	50	30	2.500
2	Xóm Mỹ Thanh	20	30	1	50	80	40	2.500
3	Xóm Mỹ Thịnh	20	30	1	50	80	40	2.000
4	Xóm Mỹ Thượng	20	20	1	30	85	40	1.200
5	Xóm Tân Thành	20	20	1	50	150	50	3.000
6	Xóm Tân Tiến	20	20	1	50	40	20	2.000
7	Xóm Đồng Phú	20	20	1	0	40	20	1.200
8	Xóm Trung Thịnh	20	20	0	0	50	20	2.000
9	Xóm Xuân Am	20	20	0	0	40	20	1.400
10	Xóm Xuân Tân	20	20	1	30	35	30	2.200
11	Xóm Hưng Đạo 1	20	30	1	50	40	20	1.500
12	Xóm Hưng Đạo 2	20	30	1	30	40	20	1.500
13	Xóm Hưng Đạo 3	20	30	1	50	60	20	2.500
14	Xóm Hưng Đạo 4	20	20	1	70	70	40	2.500
15	Xóm Hưng Đạo 5	20	30	1	0	60	40	2.500
16	Xóm Hưng Đạo 6	20	20	1	0	60	30	3.200
17	Xóm Hưng Đạo 7	20	20	1	0	55	30	2.000
18	Xóm Hưng Đạo 8	20	20	1	0	50	40	2.500
19	Xóm Ngọc Điền	20	30					
20	Xóm Thái Linh	20	10					
21	Xóm Chi Nê	20						
22	Xóm Đồng Trưa	20						
23	Xóm Kỳ Đoài	20						
24	Xóm Vạc	20						
25	Xóm Tân Hưng	20						
26	Xóm Đông Tiến	20	20					
27	Xóm Tân Hợp	20						
28	Xóm Đồng Ang	20						
29	Xóm Thượng Khê	20	20					
30	Xóm Phúc Điền	20	20					
31	Xóm Đại Huệ	20	20					
32	Xóm Hạ Khê	20	20					
33	Xóm Khoa Đà	20	20					
34	Xóm Phúc Hòa	20	20					
35	Xóm Phúc Long	20	20					
36	Xóm Nam Kê Gai	20	20					
37	Xóm Bắc Kê Gai	20	20					

38	Xóm Hưng Thịnh	20	30					
----	----------------	----	----	--	--	--	--	--

[illegible]

--	--	--	--	--	--	--	--